

NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM: MỘT TIẾP CẬN THỰC NGHIỆM**Hoàng Hồng Hiệp^{1*}, Nguyễn Thị Thanh Huyền²**¹Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam²Học viện Chính trị khu vực III**Tác giả liên hệ: hoanghonghiiep@gmail.com***TÓM TẮT**

Sử dụng dữ liệu điều tra 300 hộ gia đình vùng biên giới Việt Nam, nghiên cứu này phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của các hộ gia đình. Các ước lượng hồi quy OLS với điều chỉnh độ lệch chuẩn Robust chỉ ra rằng, các hộ có quy mô lớn, có năng lực kinh tế tốt, sống ở vùng có hạ tầng phát triển sẽ có tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp cao. Bên cạnh đó, tồn tại sự khác biệt đáng kể về mức độ đa dạng hóa thu nhập giữa các vùng. Đặc biệt, chính quyền địa phương năng động có tương quan thuận với đa dạng hóa thu nhập, trong khi các chính sách hỗ trợ sinh kế lại có tương quan nghịch với đa dạng hóa. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy đa dạng hóa thu nhập cho cư dân vùng biên giới đất liền Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Đa dạng hóa thu nhập; Thu nhập phi nông nghiệp; Hộ gia đình; Vùng biên giới; Sinh kế; Chính sách nông thôn.

DETERMINANTS OF INCOME DIVERSIFICATION AMONG HOUSEHOLDS IN VIETNAM'S BORDER REGIONS**ABSTRACT**

Using survey data from 300 households in Vietnam's border areas, this study analyzes the determinants of income diversification among households. Ordinary Least Squares (OLS) regression estimates with robust standard errors indicate that larger households with stronger economic capacity and those living in areas with better infrastructure tend to have higher proportions of non-farm income. Moreover, there are significant regional differences in the degree of income diversification. Notably, dynamic local governance is positively associated with income diversification, whereas livelihood support policies show a negative correlation. Based on these findings, the study proposes several policy implications to promote income diversification for residents in Vietnam's land border regions in the coming years.

Keywords: Income diversification; Non-farm income; Household; Border regions; Livelihoods; Rural policy.

Ngày nhận bài: 24/08/2025 Ngày nhận bài sửa: 03/09/2025 Ngày duyệt đăng bài: 05/09/2025

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong phát triển kinh tế nông thôn, đa dạng hóa thu nhập được xem là một chiến lược sinh kế quan trọng giúp hộ gia đình giảm thiểu rủi ro và cải thiện phúc lợi. Việc tham gia nhiều hoạt động tạo thu nhập giúp hộ gia đình nông

thôn phân tán rủi ro trước những biến động bất lợi của thời tiết, thị trường và đảm bảo nguồn thu nhập ổn định (Abdulai & CroleRees, 2001). Nhiều nghiên cứu quốc tế cho thấy tỷ trọng thu nhập phi nông nghiệp trong tổng thu nhập hộ gia đình nông thôn ngày càng tăng

(Schwarze & Zeller, 2005; Senadza, 2012). Tuy nhiên, khả năng đa dạng hóa thu nhập thường không đồng đều giữa các hộ gia đình. Sự khác biệt về nguồn lực, kỹ năng và môi trường kinh tế xã hội khiến các hộ gia đình tiếp cận các cơ hội sinh kế phi nông nghiệp khác nhau. Theo Barrett và cộng sự (2001), ở nhiều nước châu Phi, các cơ hội thu nhập phi nông nghiệp hấp dẫn thường chỉ dành cho số ít những hộ có điều kiện khá hơn, còn những hộ nghèo thiếu vốn, kỹ năng hoặc quan hệ xã hội thường khó gia nhập các hoạt động phi nông nghiệp có thu nhập cao. Barrett và Webb (2001), Abdulai và CroleRees (2001) tìm thấy rằng, giáo dục là một trong những biến quan trọng quyết định thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình. Meraner và cộng sự (2015) nhấn mạnh những người chủ trang trại trẻ tuổi, hộ có nhiều nhân khẩu có khả năng cao hơn trong tham gia các hoạt động mở rộng kinh doanh. Abdulai và CroleRees (2001) phát hiện tại Nam Mali, quy mô đất càng lớn thì xác suất hộ tham gia hoạt động phi nông nghiệp càng tăng, hàm ý rằng đất đai đóng vai trò vốn sản xuất giúp hộ có nguồn lực đa dạng hóa. Barrett và cộng sự (2001) chỉ ra rằng ở nhiều vùng của châu Phi, những hộ có ít đất và thu nhập nông nghiệp thấp cũng lại là hộ ít đa dạng hóa nhất, do họ không đáp ứng được yêu cầu đầu tư ban đầu để tham gia các hoạt động phi nông nghiệp. Schwarze và Zeller (2005) tìm thấy các hộ ở Indonesia có kinh tế khá hơn (theo chỉ số tài sản) có tỷ trọng thu nhập ngoài nông nghiệp cao hơn. Schwarze và Zeller (2005), Abdulai và CroleRees (2001) nhận định rằng, những khu vực có đường giao thông tốt, gần đô thị

hay chợ sẽ tạo điều kiện cho hộ dân tìm việc làm ngoài nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm dễ dàng hơn. Schwarze và Zeller (2005) cũng tìm thấy chính sách tín dụng chính thức có tác động dương rõ rệt đến tỷ trọng thu nhập phi nông nghiệp ở Indonesia.

Tại Việt Nam, vấn đề đa dạng hóa thu nhập của hộ nông thôn được quan tâm đáng kể, đặc biệt ở các vùng biên giới đất liền. Đây là những khu vực thường có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, hạ tầng kém phát triển và xa các trung tâm kinh tế - đô thị, dẫn đến cơ hội việc làm phi nông nghiệp cho người dân địa phương còn rất hạn chế. Thu nhập của cư dân vùng biên giới thường thấp và không ổn định do sinh kế chủ yếu vẫn dựa vào nông nghiệp quy mô nhỏ, tự cung tự cấp. Do vậy, đa dạng hóa sinh kế được xem là một giải pháp quan trọng giúp nâng cao thu nhập và giảm nghèo cho các hộ gia đình vùng biên giới, qua đó góp phần giữ vững ổn định kinh tế - xã hội khu vực biên cương. Tuy nhiên, cho đến nay, các nghiên cứu về sinh kế và đa dạng hóa sinh kế vùng biên giới ở Việt Nam còn khá hạn chế. Do vậy, nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập cư dân vùng biên giới đất liền có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết.

2. MÔ HÌNH VÀ DỮ LIỆU

2.1. Mô hình kinh tế lượng

Dựa trên các cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu thực nghiệm, mô hình kinh tế lượng các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến mức độ đa dạng hóa thu nhập hộ gia đình vùng biên giới đất liền Việt Nam được xác định như sau

$$(\text{IncomeDiversification}_i) = \alpha_0 + \beta_1(\text{Regions}_i) + \beta_2(\text{HouseholdChars}_i) + \beta_3(\text{LocalConditions}_i) + \beta_4(\text{PolicyGov}_i) + \varepsilon_i. \quad (1)$$

Trong đó: IncomeDiversification là mức độ đa dạng hóa thu nhập hộ gia đình; Regions_{*i*} là nhóm biến vùng (địa bàn cư trú của hộ *i*); HouseholdChars_{*i*} là nhóm biến đặc điểm hộ gia đình (nhân khẩu học, nguồn lực); LocalConditions_{*i*} là nhóm biến điều kiện kinh

tế-xã hội, tự nhiên tại địa phương; PolicyGov_{*i*} là nhóm biến về chính sách hỗ trợ và vai trò chính quyền địa phương; ε_{*i*} là sai số ngẫu nhiên. Bảng 1 dưới đây mô tả chi tiết các biến số đưa vào mô hình, gồm định nghĩa, cách đo lường và kỳ vọng dấu ảnh hưởng.

Bảng 1. Định nghĩa và đo lường các biến trong mô hình

Biến	Mã biến	Định nghĩa và đo lường	Dấu kỳ vọng
Biến phụ thuộc Đa dạng hóa thu nhập	Income diversification	Đo lường bằng Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp trong tổng thu nhập của hộ gia đình (%)	
Nhóm biến vùng (Regions) - Đại diện cho khác biệt vùng miền của hộ	Đồng Văn-Dummy	Đồng Văn (Hà Giang cũ): =1 nếu hộ cư trú tại huyện Đồng Văn (vùng biên giới Tây Bắc), =0 nếu khác.	+/-
	Tân Biên-Dummy	Tân Biên (Tây Ninh cũ): =1 nếu hộ ở huyện Tân Biên (vùng biên giới Nam Bộ), =0 nếu khác.	+/-
	Ngọc Hồi-Dummy	Ngọc Hồi (Kon Tum cũ): =1 nếu hộ ở huyện Ngọc Hồi (vùng biên giới Tây Nguyên), =0 nếu khác.	+/-
Nhóm biến đặc điểm hộ (HouseholdChars)	Số nhân khẩu	Tổng số thành viên của hộ. Biến này phản ánh quy mô hộ. Hộ đông người có thể có nhiều lao động (tăng thu nhập hộ) nhưng nếu số người phụ thuộc nhiều cũng có thể khiến thu nhập hộ giảm do lao động hộ phải dành thời gian chăm sóc người phụ thuộc.	
	Trình độ học vấn	Trình độ học vấn của chủ hộ: Số năm học cao nhất mà chủ hộ đã hoàn thành. Thể hiện vốn nhân lực cơ bản của hộ. Học vấn cao giúp hộ phát triển tốt sinh kế, nhất là chuyển đổi sinh kế.	+
	Dân tộc Kinh	Biến giả =1 nếu chủ hộ thuộc dân tộc Kinh, =0 nếu thuộc dân tộc khác.	+/-
	Tuổi	Tuổi của chủ hộ: Tính bằng số năm tuổi đời của chủ hộ (năm). Phản ánh kinh nghiệm sống và sản xuất. Chủ hộ lớn tuổi hơn thường có nhiều kinh nghiệm, nguồn lực và các mối quan hệ hơn trong hoạt động sinh kế, đa dạng hóa sinh kế. Tuy nhiên, tuổi quá cao cũng có thể không linh hoạt trong chuyển đổi sinh kế.	+/-
	Diện tích đất	Diện tích đất nông nghiệp: Tổng diện tích đất nông nghiệp mà hộ sở hữu hoặc canh tác (tính bằng hecta). Sở hữu đất nhiều có thể giúp hộ mở rộng sản xuất, chủ động sinh kế.	+
	Năng lực kinh tế	Năng lực kinh tế của hộ: Chỉ báo về năng lực kinh tế của hộ. Biến được đo bằng thang điểm likert 1-5 do chủ hộ tự đánh giá (tình trạng kinh tế hộ, mức sống của hộ). Hộ có năng lực kinh tế tốt có điều kiện đầu tư vào đa dạng hóa sinh kế.	+
Nhóm biến về điều kiện địa phương (LocalConditions)	Cơ sở hạ tầng	Đánh giá cơ sở hạ tầng: Biến được đo trên thang điểm likert 1-5 do chủ hộ tự đánh giá mức độ thuận lợi của cơ sở hạ tầng (gồm đường giao thông, điện) tại địa phương (1 = rất kém, 5 = rất tốt). Cơ sở hạ tầng tốt có thể tạo điều kiện cho sản xuất và giao thương thuận lợi, giúp thúc đẩy đa dạng hóa sinh kế.	+

Nhóm biến chính sách và chính quyền (PolicyGov)	Chính sách hỗ trợ sinh kế	Vai trò của chính sách giảm nghèo, giải quyết việc làm, tín dụng: Biến được đo trên thang điểm 1–5 do chủ hộ tự đánh giá (1 = rất kém, 5 = rất tốt).	+/-
	Chính quyền địa phương	Vai trò của chính quyền địa phương: Mức độ đánh giá của hộ về hiệu quả của chính quyền cấp huyện, xã, thôn, biên phòng trong phát triển kinh tế - xã hội (thang đo likert 1–5, 1 = rất kém, 5 = rất tốt). Chính quyền năng động hỗ trợ sẽ giúp hộ tiếp cận cơ hội sinh kế phi nông nghiệp tốt hơn.	+

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu điều tra sơ cấp được thu thập thông qua cuộc điều tra 300 hộ gia đình tại 4 huyện biên giới đại diện cho 4 vùng của Việt Nam, bao gồm: (i) Đồng Văn – tỉnh Hà Giang cũ (vùng Bắc Bộ, giáp biên giới Trung Quốc); (ii) Hướng Hóa – tỉnh Quảng Trị cũ (vùng Trung Bộ, giáp biên giới Lào); (iii) Ngọc Hồi – tỉnh Kon Tum cũ (vùng Tây Nguyên, giáp biên giới Lào); (iv) Tân Biên – tỉnh Tây Ninh cũ (vùng Nam Bộ, giáp biên giới Campuchia). Đây là những địa bàn nằm trên tuyến biên giới đất liền của Việt Nam, có dân cư hoạt động sinh kế nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch. Thời gian khảo sát điều tra vào quý 4 năm 2024 và quý 1 năm 2025.

3. PHƯƠNG PHÁP, THỦ TỤC VÀ KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG

Để kiểm định mô hình, chúng tôi tiến hành ước lượng bằng phương pháp hồi quy OLS (Ordinary Least Squares). Nhằm đảm bảo độ tin cậy của các kết quả ước lượng, các kiểm định chẩn đoán các giả định mô hình được thực hiện, bao gồm: kiểm định đa cộng tuyến (chỉ số VIF), kiểm định phương sai sai số thay đổi (Breusch-Pagan). Kết quả kiểm định chỉ số VIF cho thấy không có dấu hiệu đa cộng tuyến nghiêm trọng giữa các biến; kiểm định Breusch-Pagan cho thấy có hiện tượng phương sai sai số thay đổi. Vì vậy, hồi quy OLS với điều chỉnh độ lệch chuẩn Robust đã được áp dụng để cho kết quả ước lượng đảm bảo độ tin cậy hơn. Kết quả hồi quy bởi phương pháp OLS được trình bày trong bảng 2.

Về các đặc điểm địa bàn cư trú: Kết quả ước lượng cho thấy, có sự khác biệt đáng kể giữa các vùng biên giới về mức độ đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình. Theo đó, hộ gia đình ở vùng biên giới Tân Biên (Tây Ninh cũ) có tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp cao hơn đáng kể so với các khu vực còn lại ở mức ý nghĩa thống kê 1%. Thực tế cho thấy, Tân Biên là khu vực biên giới Tây Nam, nhưng lại khá gần các trung tâm kinh tế - công nghiệp của khu vực Đông Nam Bộ như thành phố Tây Ninh, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, ... Nhờ đó, cư dân Tân Biên có nhiều hơn cơ hội tham gia hoạt động phi nông nghiệp (làm công nhân nhà máy, buôn bán qua biên giới, dịch vụ vận tải,...). Tương tự, hộ gia đình ở khu vực biên giới Đồng Văn (Hà Giang cũ) cũng có tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp cao hơn tương đối so với các khu vực còn lại ở mức ý nghĩa thống kê 10%; thực tế cho thấy, Đồng Văn có địa hình núi đá cao nguyên căn cỗi, giao thông khó khăn, nông nghiệp chủ yếu ở hình thức tự cung tự cấp với năng suất thấp. Tuy nhiên, thời gian qua, Đồng Văn nổi lên là điểm đến du lịch hấp dẫn với du khách khi tham quan vùng cao Tây Bắc. Nhờ đó, các dịch vụ du lịch như homestay, nấu ăn, hướng dẫn viên, vận tải khách, buôn bán,... đã mang lại nguồn thu đáng kể cho một bộ phận dân cư địa phương. Chính những yếu tố này giúp Đồng Văn có tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp khá cao. Ngược lại, các hộ gia đình ở khu vực biên giới Ngọc Hồi (Kon Tum cũ) và Hướng Hóa (Quảng Trị cũ) có tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp thấp hơn đáng kể so với các khu vực còn lại. Kết quả ước lượng này phù hợp với thực tiễn điền dã

ràng, địa bàn biên giới Hướng Hóa, Ngọc Hồi có dân cư thưa thớt, chủ yếu là đồng bào dân tộc với sinh kế chủ yếu dựa vào canh tác nông nghiệp nhỏ lẻ (lúa, sắn, cà phê,...), ít nguồn thu từ hoạt động phi nông nghiệp. Phát hiện này tương đồng với nhận định của Abdulai & CroleRees (2001) rằng các hộ ở vùng xa xôi, cách biệt thị trường thì ít có cơ hội tham gia vào khu vực phi nông nghiệp.

Về các đặc trưng nhân khẩu và kinh tế xã hội của hộ gia đình: Kết quả hồi quy cho thấy, quy mô hộ (số nhân khẩu) có tác động dương và ý nghĩa thống kê đến thu nhập hộ. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Sujithkumar (2008) tại Tamil Nadu (Ấn Độ) rằng, số người đi làm trong hộ tăng thì mức đa dạng hóa tăng. Không như kỳ vọng, trình độ học vấn của chủ hộ không ảnh hưởng ý nghĩa đến tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp. Đây là kết quả khá bất ngờ, bởi đa số các nghiên cứu thực nghiệm đều nhấn mạnh vai trò của giáo dục trong tăng khả năng sinh kế phi nông nghiệp (Abdulai & CroleRees, 2001; Barrett & cộng sự, 2001). Điều này có thể giải thích rằng, mặt bằng học vấn ở khu vực biên giới là thấp (trung bình trong mẫu khảo sát là 7 năm học), do vậy kỹ năng có được từ giáo dục phổ thông không thật sự đủ để tạo ra sự khác biệt trong thích ứng với sinh kế phi nông nghiệp. Có thể nói, kết quả này không phủ nhận tầm quan trọng của giáo dục về dài hạn, mà chỉ phản ánh hiện trạng rằng, khi cơ hội việc làm ở khu vực biên giới còn hạn chế, giáo dục chưa thực sự phát huy vai trò của mình trong hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế.

Như kỳ vọng, kết quả ước lượng ở mô hình (2) và (5) cho thấy, các hộ người Kinh có tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp cao hơn đáng kể so với hộ dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, các hệ số ước lượng của biến đặc điểm dân tộc của chủ hộ ở các mô hình (1), (3) và (4) lại cho thấy, chưa thể kết luận dứt khoát rằng dân tộc Kinh có lợi thế hơn về đa dạng hóa thu nhập hộ. Điều này phụ thuộc vào thực tế đặc điểm dân tộc của từng khu vực biên giới. Tuy nhiên,

kết quả ước lượng này cung cấp cơ sở thực nghiệm đủ tin cậy rằng, các nhóm dân tộc thiểu số hiện gặp bất lợi trong đa dạng hóa sinh kế và cần nhận được sự quan tâm hỗ trợ nhiều hơn.

Thật thú vị, hệ số ước lượng của biến diện tích đất nông nghiệp mang dấu âm và đạt ý nghĩa thống kê ở mức 1% trong tất cả các mô hình. Kết quả nhất quán này chỉ ra rằng, hộ có quy mô đất sản xuất lớn sẽ có mức độ đa dạng hóa thu nhập thấp. Điều này hàm ý rằng, những hộ sở hữu nhiều đất nông nghiệp sẽ tập trung chuyên môn hóa lợi thế so sánh này để phát triển hoạt động sản xuất nông nghiệp; trong khi đó, những hộ ít đất hoặc không có đất buộc phải dựa vào sinh kế phi nông nghiệp như đi làm thuê, buôn bán,... Kết quả nghiên cứu này tương đồng với phát hiện của Meraner và cộng sự (2015) rằng nông trại lớn ở Hà Lan có xác suất tham gia đa dạng hóa thấp hơn các trang trại nhỏ; hoặc do người lao động trong hộ nhiều đất bận rộn trồng trọt, không có hoặc không cần hoạt động sinh kế khác.

Biến năng lực kinh tế có hệ số ước lượng dương và đạt ý nghĩa thống kê ở mức 1% trong tất cả các mô hình. Kết quả này cho thấy, hộ có năng lực kinh tế cao thì có tỷ trọng thu nhập từ hoạt động sinh kế phi nông nghiệp cao hơn. Xu hướng này hoàn toàn tương đồng với các nghiên cứu của Barrett và cộng sự (2001) rằng thu nhập phi nông nghiệp có quan hệ dương mạnh với năng lực kinh tế hộ; của Schwarze & Zeller (2005) rằng chỉ số tài sản có ảnh hưởng dương đến tỷ trọng thu nhập phi nông ở Indonesia.

Về các điều kiện kinh tế xã hội địa phương: Kết quả hồi quy cho thấy hệ số của biến cơ sở hạ tầng dương và có ý nghĩa thống kê cao ở các mô hình từ (1) - (4). Như vậy, có thể khẳng định cơ sở hạ tầng địa phương thuận lợi sẽ là yếu tố thúc đẩy mạnh mẽ tình trạng đa dạng hóa thu nhập hộ. Nói cách khác, hộ ở khu vực có đường giao thông và hệ thống điện chất lượng tốt sẽ dễ dàng mở rộng sản xuất, trao đổi hàng hóa, tìm kiếm việc làm, nhờ đó thu nhập

phi nông nghiệp sẽ cao hơn đáng kể so với hộ sinh sống ở khu vực có hạ tầng kém. Điều này phù hợp với các nghiên cứu của Abdulai & CroleRees (2001) rằng cải thiện hạ tầng là cần thiết để thúc đẩy đa dạng hóa cho hộ nghèo.

Về vai trò của chính sách hỗ trợ sinh kế và vai trò chính quyền địa phương: Kết quả hồi quy cho thấy, biến chính sách hỗ trợ sinh kế có hệ số âm trong tất cả các mô hình song chỉ có ý nghĩa thống kê ở mô hình (1). Điều này hàm ý rằng, khi hộ đánh giá tốt hơn về hiệu quả các chính sách giảm nghèo, tạo việc làm, hỗ trợ tín dụng thì tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp của họ có xu hướng thấp. Nói cách khác, những hộ hưởng lợi hoặc hài lòng với chính sách hỗ trợ sinh kế thường lại là những hộ ít đa dạng hóa thu nhập. Kết quả này có vẻ nghịch lý, nhưng có thể được giải thích rằng: các chương trình hỗ trợ sinh kế của nhà nước (như hỗ trợ hộ nghèo, cho vay vốn ưu đãi, hỗ trợ cây con

giống,...) thường ưu tiên vào các hộ nghèo, hộ thu nhập thấp. Thông thường, những hộ này cũng là nhóm hộ phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp (thu nhập phi nông thấp). Do đó, họ có thể đánh giá cao vai trò của chính sách vì họ thực sự hưởng lợi từ các chính sách này.

Biến vai trò chính quyền địa phương có hệ số dương trong tất cả mô hình và có ý nghĩa thống kê ở các mô hình (1), (2), và (5). Điều này gợi ý một quan hệ tích cực rằng, nơi nào chính quyền cơ sở hoạt động hiệu quả, ở đó hộ gia đình có xu hướng đa dạng hóa thu nhập tốt hơn. Điều này có thể được giải thích rằng, chính quyền địa phương hiệu quả thường năng động trong phát triển kinh tế, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm. Nhờ đó đã thúc đẩy khu vực phi nông nghiệp phát triển, kéo theo thu nhập phi nông nghiệp cư dân địa phương tăng.

Bảng 2. Các nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của hộ vùng biên giới

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TylePhiNN	TylePhiNN	TylePhiNN	TylePhiNN	TylePhiNN
Số nhân khẩu	2.684* (0.085)	2.637 (0.106)	3.327** (0.034)	2.692* (0.093)	3.076* (0.053)
Trình độ học vấn	0.203 (0.782)	-0.320 (0.665)	-0.518 (0.449)	-0.542 (0.439)	-0.451 (0.522)
Dân tộc Kinh	-7.929 (0.339)	17.32** (0.014)	-6.784 (0.414)	11.22 (0.130)	13.76** (0.050)
Tuổi	-0.119 (0.536)	-0.111 (0.581)	-0.166 (0.387)	-0.0919 (0.649)	-0.166 (0.407)
Diện tích đất nông nghiệp	-3.842*** (0.007)	-4.436*** (0.003)	-4.903*** (0.001)	-4.543*** (0.002)	-4.888*** (0.001)
Cơ sở hạ tầng	10.17** (0.014)	9.715*** (0.005)	10.27*** (0.002)	14.30*** (0.001)	5.981 (0.134)
Chính sách hỗ trợ	-7.585* (0.082)	-3.636 (0.439)	-5.661 (0.198)	-2.588 (0.574)	-4.663 (0.318)
Chính quyền địa phương	7.348* (0.099)	9.576** (0.026)	6.554 (0.118)	6.158 (0.167)	11.11*** (0.010)
Năng lực kinh tế	13.97*** (0.000)	11.45*** (0.003)	11.48*** (0.002)	10.00*** (0.007)	11.86*** (0.003)
Đồng Văn	20.04*** (0.005)	12.98* (0.062)			
Tân Biên	45.03*** (0.000)		38.29*** (0.000)		
Ngọc Hồi	3.031 (0.690)			-15.46** (0.020)	

Hướng Hóa					-12.39** (0.047)
Hằng số	-38.90* (0.058)	-45.45** (0.032)	-24.94 (0.201)	-37.82* (0.063)	-27.01 (0.177)
<i>N</i>	300	300	300	300	300
<i>R</i> ²	0.283	0.207	0.257	0.218	0.209

Ghi chú: Giá trị trong ngoặc là *p*-values; * $p < 0,1$, ** $p < 0,05$, *** $p < 0,01$

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

4. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Sử dụng dữ liệu khảo sát 300 hộ gia đình ở bốn huyện biên giới (cũ) thuộc các vùng Tây Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ, nghiên cứu này lượng hóa các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ đa dạng thu nhập của hộ gia đình vùng biên giới đất liền của Việt Nam. Bằng phương pháp hồi quy OLS với hiệu chỉnh độ lệch chuẩn, kết quả ước lượng cho thấy, đặc trưng các vùng biên giới, số nhân khẩu của hộ, diện tích đất nông nghiệp hộ sở hữu/ canh tác, năng lực kinh tế của hộ, đặc điểm dân tộc, cơ sở hạ tầng, chính quyền địa phương có tác động ý nghĩa đến mức độ đa dạng hóa thu nhập hộ gia đình vùng biên giới. Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ sinh kế hiện hành chưa tạo ra ảnh hưởng rõ nét đến đa dạng hóa thu nhập do chủ yếu dừng lại ở các giá trị kinh tế ngắn hạn. Từ kết quả ước lượng trên, chúng tôi đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm đẩy mạnh đa dạng hóa thu nhập và phát triển sinh kế bền vững cho cư dân vùng biên giới đất liền Việt Nam trong thời gian tới như sau :

Một là, Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và đẩy mạnh kết nối thị trường ở vùng biên giới đất liền. Chính phủ và chính quyền địa phương cần tiếp tục ưu tiên nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông (như mở rộng, nâng cấp các tuyến đường tỉnh lộ, đường liên xã,...), chất lượng hệ thống điện lưới, mạng lưới viễn thông - internet tại các khu vực biên giới khó khăn. Đặc biệt, cần chú trọng đầu tư hạ tầng cho các vùng có cơ sở hạ tầng còn hạn chế (như khu vực biên giới Tây Bắc, Trung Bộ - Tây Nguyên). Hạ tầng tốt sẽ giúp thu hút doanh nghiệp và du khách đến vùng biên giới, từ đó góp phần tạo cơ hội sinh kế phi nông nghiệp

cho cư dân địa phương. Đây cần được xác định là giải pháp dài hạn đem lại hiệu ứng lan tỏa cao, tạo tiền đề cho mọi chiến lược sinh kế khác.

Hai là, Hỗ trợ tín dụng và tư liệu sản xuất cho các hộ nghèo thiếu đất. Kết quả ước lượng cho thấy nhóm hộ nghèo, ít đất đai chính là những đối tượng có nhu cầu bức thiết về đa dạng hóa thu nhập để sinh tồn, nhưng họ lại gặp rào cản do thiếu vốn để khởi đầu các hoạt động sinh kế. Do đó, chính sách cần tập trung hỗ trợ vốn tín dụng ưu đãi và cung cấp tư liệu sản xuất thiết yếu (dụng cụ, mặt bằng kinh doanh nhỏ, giống cây/con cho ngành nghề phụ,...) cho nhóm hộ này để giúp họ đa dạng hóa sinh kế. Đặc biệt, cần giảm thiểu các thủ tục và điều kiện vay vốn để các hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhất là hộ dân tộc thiểu số có thể dễ dàng tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi.

Ba là, Đẩy mạnh đào tạo nghề và nâng cao kỹ năng lao động phi nông nghiệp cho cư dân vùng biên giới. Mặc dù học vấn phổ thông chưa cho thấy tác động rõ nét đến đa dạng hóa thu nhập, nhưng để người dân vùng biên có thể tham gia các công việc phi nông nghiệp có thu nhập khá hơn, họ cần được trang bị kỹ năng nghề nghiệp phù hợp. Do vậy, các chương trình đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động vùng biên giới cần được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Nội dung đào tạo phải sát với nhu cầu thị trường gắn với khai thác các tiềm năng của địa phương. Cùng với đào tạo kỹ năng, cần tổ chức tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho người lao động ở vùng biên giới, nhất là giới trẻ. Các trung tâm dịch vụ việc làm địa phương cần tổ chức các đợt tư vấn việc làm cho cư dân khu vực biên giới, cung

cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng ở các khu công nghiệp, các doanh nghiệp, hỗ trợ kết nối lao động địa phương với doanh nghiệp.

Bốn là, Phát triển các mô hình sinh kế phi nông nghiệp tại chỗ dựa trên khai thác lợi thế so sánh của từng địa phương. Mỗi vùng biên giới đều có những tiềm năng riêng có thể khai thác để tạo việc làm và thu nhập cho cộng đồng cư dân địa phương. Theo đó, chính quyền và các đoàn thể nên chủ động hỗ trợ người dân phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp phù hợp với đặc thù địa phương. Chẳng hạn, vùng biên giới Đồng Văn (Hà Giang cũ), Hướng Hóa (Quảng Trị cũ) có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, do vậy cần tập trung hỗ trợ thành lập các hợp tác xã du lịch cộng đồng, các làng du lịch cộng đồng, các điểm du lịch gắn với rừng và thiên nhiên hùng vĩ đặc sắc vùng biên giới; hỗ trợ đào tạo các kỹ năng làm du lịch chuyên nghiệp như hướng dẫn viên, homestay, nấu ăn, bán hàng lưu niệm,...; vùng biên giới Tân Biên (Tây Ninh cũ) gần các khu công nghiệp, các trung tâm đô thị - công nghiệp lớn ở phía Nam, do vậy cần chú trọng đào tạo nghề phù hợp để người lao động địa phương dễ dàng tìm kiếm việc làm ở vùng phụ cận, đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp gia công vệ tinh về địa phương vùng biên giới để tạo việc làm tại chỗ cho người dân địa phương; vùng biên giới Ngọc Hồi (Kon Tum cũ) giàu tài nguyên lâm sản, dược liệu, thổ cẩm truyền thống, văn hóa bản địa, do vậy có thể hỗ trợ phát triển trồng và chế biến sâu cây dược liệu, các nghề thủ công (dệt thổ cẩm, mộc, mây tre,...) kết hợp phát triển du lịch văn hóa, sinh thái vùng biên giới.

Năm là, Nâng cao hiệu quả thực thi chính sách và năng lực quản trị địa phương tại các xã vùng biên giới đất liền. Theo đó, các chương trình giảm nghèo, tạo việc làm nên chuyển trọng tâm từ hỗ trợ vật chất sang kiến tạo sinh kế bền vững; chính sách giảm nghèo nên gắn với đào tạo nghề, chính sách hỗ trợ tín dụng gắn với hướng dẫn sử dụng vốn và tiêu thụ sản

phẩm,... Ngoài ra, cần mở rộng đối tượng thực hiện của các chính sách phát triển vùng biên giới thay vì chỉ chú trọng vào đối tượng nghèo; đặc biệt cần có chính sách hỗ trợ các đối tượng thanh niên có học vấn, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển sinh kế, nhất là sinh kế phi ngư nghiệp. Bên cạnh đó, cần chú trọng phát triển năng lực kinh tế cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở tại vùng biên giới. Cán bộ xã, thôn/buôn cần được tập huấn nâng cao nhận thức về kinh tế thị trường, khởi nghiệp, kinh doanh, kỹ năng khuyến nông - khuyến công, phát triển du lịch,... Khi cán bộ địa phương được đào tạo bài bản, có tư duy và kiến thức sinh kế chuyên sâu, sẽ dễ dàng sát cánh cùng người dân, hiểu người dân cần gì và luôn đồng hành cùng người dân trong thực hiện các hoạt động sinh kế mới, từ đó giúp hộ gia đình đa dạng hóa nguồn thu nhập.

Ghi chú: Bài viết này là sản phẩm của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: “Phát triển kinh tế vùng biên giới đất liền của Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch trong bối cảnh hiện nay”, thuộc Chương trình trọng điểm cấp bộ: “Nghiên cứu tổng thể vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay” do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Barrett, C.B., Reardon, T., & Webb, P. (2001). Nonfarm Income Diversification and Household Livelihood Strategies in Rural Africa: Concepts, Dynamics, and Policy Implications. *Food Policy*, 26(4), 315–331.
- Schwarze, S., & Zeller, M. (2005). Income diversification of rural households in Central Sulawesi, Indonesia. *Quarterly Journal of International Agriculture*, 44(1), 61–73.
- Abdulai, A., & CroleRees, A. (2001). Determinants of income diversification

- amongst rural households in Southern Mali. *Food Policy*, 26(4), 437–452.
- Meraner, M., Heijman, W., Kuhlman, T., & Finger, R. (2015). Determinants of farm diversification in the Netherlands. *Land Use Policy*, 42, 767–780.
- Reardon, T., Delgado, C., & Malton, P. (1992). *Determinants of farm productivity in Africa: A synthesis of four case studies*. USAID Policy Synthesis No. 14.
- Reardon, T. (1997). Using evidence of household income diversification to inform study of the rural nonfarm labor market in Africa. *World Development*, 25(5), 735–747.
- Senadza, B. (2012). Non-farm income diversification in rural Ghana: Patterns and determinants. *African Development Review*, 24(3), 233-244.
- Sujithkumar, P. S. (2008). Income Diversification in Rural Households: Measurement and Determinants. *The IUP Journal of Agricultural Economics*, (3), 63-71.